

BÁO CÁO

Kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 25/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 về Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến 2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ THÔNG TIN QUỐC GIA

CV ĐẾN

Số: 8638

Ngày: 13.11.15

Chuyên: Thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 396/HĐND-VP ngày 06/10/2015 về việc báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 25/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 về Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến 2020, cụ thể như sau:

Thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 396/HĐND-VP ngày 06/10/2015 về việc báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết 25/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 về Quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến 2020, cụ thể như sau:

1. Tình hình phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015:

a) Tình hình sản xuất và tiêu thụ điện tỉnh Quảng Ngãi tính đến tháng 6/2015 như sau:

- Số xã có điện/ tổng số xã: 100/100.
- Số hộ có điện/tổng số hộ : 328.263/332.841(98,6%).
- Điện thương phẩm bình quân/người/năm (kWh): 675.
- Điện tiêu dùng dân cư bình quân/hộ có điện/tháng (kWh): 116.
- Tồn thất lưới phân phối do ngành điện quản lý: 5,3%.
- Phụ tải cao điểm: (MW) 154.
- Diesel khách hàng : (MW) 108.

b) Tình hình tiêu thụ điện năng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2015: Phụ lục 1 kèm theo.

c) Tình hình thực hiện điện thương phẩm giai đoạn 2005-2015 (chưa bao gồm sản lượng điện tự phát của Nhà máy lọc dầu Dung Quất):

Năm	Công nghiệp - xây dựng		Nông - lâm - thủy sản		Dịch vụ - Thương mại - Nhà hàng KS		Quản lý tiêu dùng và dân cư		Hoạt động khác		Tổng
	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh
2005	69.509	23,9	2.733	0,9	7.466	2,6	203.936	70,0	7.778	2,7	291.422
2010	146.688	27,4	4.219	0,8	14.875	2,8	350.093	65,5	18.914	3,5	534.789
2011	190.704	32,3	3.321	0,6	15.970	2,7	360.922	61,1	20.063	3,4	590.980
2012	247.389	36,9	3.193	0,5	16.865	2,5	380.735	56,9	21.424	3,2	669.606
2013	242.562	34,3	3.242	0,5	18.464	2,6	421.026	59,5	22.778	3,2	708.072

Năm	Công nghiệp - xây dựng		Nông - lâm - thủy sản		Dịch vụ - Thương mại - Nhà hàng KS		Quản lý tiêu dùng và dân cư		Hoạt động khác		Tổng
	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh	%	GWh
2014	254.404	32,9	3.521	0,5	21.176	2,7	469.366	60,7	25.122	3,2	773.589
2015 (ước thực hiện)	277.258	32,9	3.785	0,4	22.764	2,7	512.693	60,8	27.006	3,2	843.506
Tốc độ tăng trưởng hàng năm (%)											
2006-2010	16,1		9,1		14,8		11,4		19,4		12,9
2010-2011	30,0		-21,3		7,4		3,1		6,1		10,5
2011-2012	29,7		-3,9		5,6		5,5		6,8		13,3
2012-2013	-2,0		1,5		9,5		10,6		6,3		5,7
2013-2014	4,9		8,6		14,7		11,5		10,3		9,3
2014-2015	9,0		7,5		7,5		9,2		7,5		9,0
2011-2015	13,6		-2,1		8,9		7,9		7,4		9,5

d) Tình hình sử dụng điện, khối lượng nguồn điện, lưới điện được xây dựng giai đoạn 2011-2015 so với quy hoạch được thống kê trong bảng sau:

Hạng mục	Đơn vị	Số liệu năm 2015		Mức độ hoàn thành (%)
		Theo Quy hoạch	Ước thực hiện	
Phụ tải điện				
Điện tiêu thụ toàn tỉnh (bao gồm điện tự phát của Nhà máy lọc dầu Dung Quất)	Triệu KWh	1.574	1.185,1	75,3
Bình quân đầu người	kWh/năm	1.138	659	57,9
Phụ tải cao điểm Pmax	MW	340	154	46,8
Tổn thất	%	5,5	5,2	105,3
Nguồn điện				
Thủy điện Đăkdrinh	MW	125	125	100
Thủy điện Cà Đú	MW	2,6	2,6	100
Thủy điện Sông Riêng	MW	2,9	2,9	100
Thủy điện Hà Nang	MW	11	11	100
Thủy điện Nước Trong	MW	16,5	16,5	100
Thủy điện Huy Mãng	MW	1,9	1,9	100
Thủy điện Đăkdrinh	MW	13		Chưa thực hiện
Thủy điện Pờ Ê	MW	12		Loại khỏi quy hoạch
Khối lượng lưới điện				
Đường dây				
220kV	km	163	53,5	32,8
110kV	km	125	17,7	14,2
35 kV	km	-131,7	-63	47,8

Hạng mục	Đơn vị	Số liệu năm 2015		Mức độ hoàn thành (%)
		Theo Quy hoạch	Ước thực hiện	
15 kV	km	-599	-599	100,0
22kV	km	622	416	66,9
0,4kV	km	1.350	496	36,8
Trạm biến áp				
220kV	MVA	250	0	0,0
110kV	MVA	516	200	38,8
15-22/0,4kV	MVA	170.379	153.957	90,4
Vốn đầu tư xây dựng				
Lưới truyền tải	Tỷ đồng	1.283	371	28,9
Lưới trung thế	Tỷ đồng	780	610	78,2
Lưới hạ thế	Tỷ đồng	355	131	36,8
Tổng cộng	Tỷ đồng	2.418	1.111	45,9

đ) Tình hình thực hiện các công trình 220kV, 110kV theo quy hoạch: Phụ lục 2 kèm theo.

2. Nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện phát triển phụ tải, nguồn, lưới điện giai đoạn 2011 - 2015:

a) Về phụ tải điện:

Qua bảng tình hình tiêu thụ điện năng trên cho thấy điện tiêu thụ toàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm năm qua cho thấy tăng trưởng với tốc độ không cao, bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 9,5%/năm thấp hơn so với giai đoạn trước 2006-2010 (12,9%/năm). Điện thương phẩm năm 2015 ước đạt 843,5 triệu KWh, nếu tính cả sản lượng điện tự phát của Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 1185,1 triệu KWh, đạt 75,3% so với quy hoạch.

Sản lượng điện thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi tăng đều, đặc biệt giảm nhiều ở năm 2013 do thành phần điện công nghiệp tăng trưởng thấp so với Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII.

Thành phần điện cung cấp cho cơ quan quản lý và tiêu dùng dân cư là lớn nhất, năm 2010 chiếm 65,5% và ước đến cuối năm 2015 là 61,2%.

Thành phần điện công nghiệp đứng thứ hai, năm 2010 chiếm 27,4%, sau đó tăng dần, ước đến cuối năm 2015 đạt tỉ lệ 32,3%.

Thành phần điện nông nghiệp có xu hướng giảm dần, tăng trưởng âm (-2,1%).

Thành phần dịch vụ-thương mại tăng trưởng không rõ nét, tỉ lệ trong cơ cấu không tăng qua các năm và chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu tiêu thụ điện toàn tỉnh.

Tỷ lệ tổn thất trên lưới điện phân phối do Điện lực quản lý giảm dần qua các năm, năm 2010 là 6,9% và ước đến cuối năm 2015 là 5,2%, đạt 105,3%

so với quy hoạch. Nguyên nhân giảm tổn thất do lưới điện được đầu tư thêm trạm biến áp 110kV giảm thiểu bán kính cấp điện cho lưới phân phối, Điện lực tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn cải tạo nâng cấp với bán kính cấp điện ngắn và bảo đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Công suất sử dụng lớn nhất (P_{max}) năm 2010 toàn tỉnh đạt 101MW, năm 2015 ước đạt 154MW đạt 45,4% so với quy hoạch (154/340).

b) Về nguồn điện:

Giai đoạn 2011-2015 các nhà máy thủy điện nhỏ như Nước Trong (16,5MW), Hà Nang (11MW), Sông Riêng (3MW), Huy Mãng (1,8MW) được đưa vào vận hành hòa vào lưới điện, đặc biệt là thủy điện Đăkdrinh công suất 125MW đã tăng cường khả năng cung cấp điện cho tỉnh Quảng Ngãi. Sản lượng điện sản xuất năm 2015 của các nhà máy thủy điện ước đạt 628 triệu KWh.

Trong giai đoạn 2011-2015, thực hiện yêu cầu của Bộ Công Thương, UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm tra, rà soát quy hoạch các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh trình Bộ Công Thương loại khỏi quy hoạch đối với các dự án thủy điện không đảm bảo yêu cầu về kinh tế - xã hội, ảnh hưởng tiêu cực lớn đến môi trường sinh thái và không gian sinh tồn của nhân dân; không phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay của tỉnh.

c) Về khối lượng xây dựng lưới điện:

**Lưới điện 220-110kV:*

Qua bảng tình hình tình hình thực hiện các công trình 220kV, 110kV theo quy hoạch cho thấy:

Trong giai đoạn 2011 – 2015 trong số 05 hạng mục công trình lưới 220kV, chỉ có 02 hạng mục công trình được thực hiện đưa vào vận hành, 02 công trình đang triển khai và 01 công trình nhà máy thép Quang Lian không thực hiện.

Trong số 11 hạng mục công trình quy hoạch lưới 110kV, chỉ có 02 công trình đã triển khai thực hiện đưa vào vận hành là đường dây ĐăkDrinh - Sơn Hà và trạm Mộ Đức mở rộng công suất lắp máy 2, 01 công trình nhánh rẽ và trạm Quảng Phú đã xây dựng đưa vào vận hành đầu tháng 10 năm 2015, còn lại 08 hạng mục công trình chưa thực hiện được đặc biệt là các công trình mở rộng nâng công suất trạm Núi Bút, Tư Nghĩa, Tịnh Phong bị chậm tiến độ.

** Lưới điện phân phối:*

- Lưới điện trung gian 35 kV thu hẹp dần, so với quy hoạch lưới 35kV giảm đạt 47,8% so với quy hoạch đề ra.

- Lưới phân phối 15kV tỉnh Quảng Ngãi đã được cải tạo lên toàn bộ 22kV đạt 100%.

- Đường dây 22kV xây dựng mới thực hiện thấp hơn so với quy hoạch đạt 66,9%, trạm biến áp thực hiện gần với quy hoạch đạt 90,4%.

** Lưới điện hạ thế:*

Đề án quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2011-2015 không thiết kế chi tiết lưới hạ thế, chỉ ước tính khối lượng và vốn đầu tư. Trong 5 năm vừa qua, do hạn chế vốn đầu tư nên việc đầu tư lưới hạ thế cấp điện khu vực miền núi, dân cư sống thưa thớt, lưới hạ thế phát triển thêm không nhiều, so với quy hoạch chỉ đạt 36,8%. Do đó, vẫn còn khối lượng lớn lưới hạ thế cần đầu tư phát triển thêm theo Chương trình cấp điện cho khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo của Chính phủ giai đoạn 2013 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08/11/2013.

d) Về quản lý lưới điện hạ áp nông thôn:

Hiện nay, toàn tỉnh có 184/184 xã có điện, chiếm tỷ lệ 100% (trong đó xã An Bình, huyện Lý Sơn sử dụng điện bằng năng lượng mặt trời); có 328.263/332.841 hộ được cấp điện, đạt 98,6%. Trong đó: Công ty Điện lực Quảng Ngãi bán điện cho khoảng 53% số hộ sử dụng điện toàn tỉnh với 117 xã, phường và thị trấn, 26 xã bán xen kẽ với các tổ chức quản lý điện nông thôn (LDU) bao gồm các Hợp tác xã và Công ty cổ phần điện.

Lưới điện hạ áp nông thôn do các LDU đang quản lý có 02 phần: phần lưới điện hạ áp thuộc Dự án Năng lượng nông thôn REII đúng quy chuẩn (bao gồm 1.046,5km đường dây xây dựng mới, 46,8km đường dây cải tạo, 128.036 công tơ lắp đặt mới), phần còn lại là lưới điện cũ vận hành đã lâu, có những nơi xuống cấp không đảm bảo kỹ thuật, an toàn cung cấp điện.

Nhằm hoàn thiện lưới điện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, lưới điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và đảm bảo tiêu chí 4 về điện trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong thời gian tới cần có nguồn vốn tương đối lớn để đầu tư mở rộng và nâng cấp lưới điện.

đ) Về vốn đầu tư thực hiện:

Tổng mức đầu tư cho các hạng mục công trình lưới truyền tải thực tế thấp hơn nhiều so với quy hoạch đề ra (chỉ đạt 28,9%). Đối với lưới phân phối tổng mức đầu tư thực tế tương đối gần với quy hoạch (đạt 78,2%), nguồn vốn đầu tư trạm biến áp chủ yếu của khách hàng. Vốn đầu tư cho lưới hạ thế thực tế cũng thấp hơn nhiều so với quy hoạch (đạt 36,8%). Tổng mức vốn đầu tư cho toàn tỉnh đạt 45,9% so với quy hoạch đề ra.

e) Nguyên nhân của việc đầu tư các hạng mục công trình đạt thấp so với Quy hoạch:

- Khủng hoảng kinh tế từ những năm 2008 kéo dài làm cho các dự án đầu tư vào Khu Kinh tế Dung Quất bị trì trệ. Trường hợp điển hình Nhà máy Thép Quang Lian với nhiều đối tác đầu tư sau nhiều lần điều chỉnh vốn đã tuyên bố dừng dự án, hay trường hợp Nhà máy Giấy Tân Mai và nhiều dự án khác thuộc Khu kinh tế Dung Quất cũng bị giãn tiến độ kéo theo việc xây dựng các đường dây và trạm biến áp cấp điện cũng chưa được triển khai. Tình hình thực hiện lấp đầy và mở rộng các khu công nghiệp cũng đang ở vào tình trạng tương tự, đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc phụ tải công nghiệp đạt được rất thấp so với quy hoạch.

- Gần như toàn bộ các nhà máy thủy điện đều bị chậm tiến độ đăng ký. Công tác xây dựng các trạm cũng không theo tiến độ quy hoạch đề ra.

- Do ngành điện thiếu vốn nên việc đầu tư các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải, phân phối, lưới điện hạ thế trên địa bàn tỉnh chưa đúng theo kế hoạch đề ra, một số trạm biến áp 110kV đã sắp đầy tải, các khu vực lưới điện đi xa tới các khu vực miền núi như Sơn Hà, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Tây, Ba Tơ vẫn còn vận hành cấp điện áp 35kV lưới điện vận hành không ổn định và tổn thất điện năng cao, nguyên nhân một phần do phát triển phụ tải khu vực miền núi chưa cao do đó việc đầu tư lưới 110kV không hiệu quả.

3. Kiến nghị:

Để đạt được những mục tiêu về phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy hoạch được duyệt, UBND tỉnh kiến nghị các bộ ngành Trung ương, EVN, chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc tỉnh thực hiện một số nội dung sau:

- EVN tăng cường đầu tư, cải tạo phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh đặc biệt là các xã thuộc chương trình nông thôn mới; ưu tiên xem xét đầu tư thêm TBA 110kV tại Tịnh Phong để đáp ứng nhu cầu phụ tải tại KCN VSIP Quảng Ngãi cũng như nâng cao độ tin cậy cung cấp điện khu vực này.

- Đẩy nhanh tiến độ nâng công suất TBA 110kV Tịnh Phong để đảm bảo cấp điện cho khu vực phụ tải phía Bắc huyện Sơn Tịnh.

- Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thực hiện dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 -2020; cấp điện cho đảo Bé, huyện Lý Sơn.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan giải quyết nhanh công tác thu hồi, giao đất, đền bù giải tỏa các công trình điện để có thể đẩy nhanh tiến độ thi công và đưa công trình vào vận hành phục vụ cho nhu cầu điện của tỉnh.

UBND tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng và các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và PTNN;
- VPUB: CVP, KTTH, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.huy482



Phạm Như Sô

Phụ lục 1

Tình hình tiêu thụ điện năng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2015

(Kèm theo Quyết định số 12/BC-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu KWh

TT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tốc độ 11-15 (%/năm)
1	Tổng điện năng tiêu thụ (sử dụng điện lưới)	534,8	591,0	669,6	708,1	773,6	843,5	9,5
	- Điện lực bán	534,8	566,0	636,3	684,8	744,1	819,4	8,9
	- Lọc dầu Dung Quất và Doosan mua điện lưới		25,0	33,3	23,3	29,5	24,1	
2	Tổng điện tiêu thụ (kể cả sản lượng điện Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tự phát)	820,1	911,7	990,4	1.028,8	1.084,8	1.185,1	7,6
	Trong đó:							
	- Công nghiệp - XD	432,0	511,5	568,1	563,3	565,7	618,9	7,5
	+ Điện lực bán	146,7	165,7	214,1	219,3	224,9	253,2	11,5
	+ Lọc dầu Dung Quất và Doosan mua điện lưới		25,0	33,3	23,3	29,5	24,1	
	+ Sản lượng điện Lọc dầu Dung Quất tự phát	285,3	296,7	308,6	320,9	333,8	341,6	3,7
	- Nông - lâm - thủy	4,2	3,3	3,2	3,2	3,5	3,8	-2,1
	- Dịch vụ - Thương mại - Nhà hàng khách sạn	14,9	16,0	16,9	18,5	21,2	22,8	8,9
	- Quản lý và tiêu dùng dân cư	350,1	360,9	380,7	421,0	469,4	504,6	7,6
	- Hoạt động khác	18,9	20,1	21,4	22,8	25,1	27,0	7,4
3	Tồn thất	6,9	6,5	6,2	5,33	5,31	5,2	
4	Điện nhận	574,2	631,8	713,5	747,9	817,0	869,2	8,6
5	Pmax (MW)	101,0	122,0	128,0	136,0	145,0	154,0	
6	Giá bán điện bình quân (đ/kWh)	908,0	1.143,1	1.267,0	1.429,3	1.416,1	1.541,9	

Phụ lục 2

Tỉnh ủy Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi
 (Kèm theo Quyết định của Ủy ban Thường vụ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Theo Quy hoạch		Thực tế thực hiện	
		Khối lượng (km/MVA)	Tiến độ	Khối lượng (km/MVA)	Tiến độ
CÔNG TRÌNH 220KV					
1	Đường dây mạch kép 220kV Sơn Hà - Dốc Sỏi	50	2013	47	2014
2	Đường dây mạch kép 220kV Quảng Ngãi- Quy Nhơn	143 (50)	2014	-	Đang triển khai
3	Đường dây 220kV Dung Quất - 220kV Dung Quất 2 (Thép Quang Lian và Trạm 220kV Thép Quang Lian)	(5/250)	2011-2015	-	Không thực hiện
4	Mạch 2 đường dây 220kV Dốc Sỏi - Tam Kỳ - Đà Nẵng	109 (8)	2009	6,5	2011
5	Mạch kép Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	76	2014	-	Đang triển khai
CÔNG TRÌNH 110KV					
6	Nhánh rẽ và trạm Quảng Phú	2x8km/25 MVA	2014	2x9,3km/25 MVA	2015
7	Nhánh rẽ và trạm Nghĩa Hành	2x14/25	2014	-	Chưa thực hiện
8	Dốc Sỏi - Giấy Tân Mai và trạm Giấy Tân Mai	2x8/63	2015	-	Không thực hiện
9	Dốc Sỏi - Trà Bồng và trạm Trà Bồng	1x30/25	2014	-	Chưa thực hiện
10	Trạm 220kV Dung Quất - Dung Quất 1 và trạm Dung Quất 1	2x5/25	2013	-	Chưa thực hiện
11	Ba Vì - 220kV Quảng Ngãi và trạm Ba Vì	1x50/25	2014	-	Chưa thực hiện
12	Đường dây ĐăkDrinh - Sơn Hà	2x10	2013	2x9,7	2013
Các trạm cải tạo, nâng công suất					
13	Mộ Đức	1x25	2014	1x25	2014
14	Núi Bút	1x63	2013	-	Chưa thực hiện
15	Tư Nghĩa	1x25	2015	-	Chưa thực hiện
16	Tịnh Phong	1x40	2013	-	Chưa thực hiện (Đang trình phê duyệt dự án)